



# Phật Học Vấn Đáp

Ban Hoàng Pháp

## Đòi lời bạch

Trong buổi họp bàn về Đặc San Hương Đạo, khi bàn đến phần nội dung của tờ báo, có nêu ra mục: “ Phật học vấn đáp”. Mục này quý vị đề nghị giao cho Ban Hoàng Pháp (BHP) GHPGVNTN Victoria phụ trách. Nhận thấy, phần đề nghị này rất hữu ích và rất thích hợp trong vai trò hoàng pháp, nên BHP hứa nhận. Tuy nhiên, Phật Pháp nghĩa lý rất sâu rộng vô lượng vô biên, so với khả năng hiểu biết nông cạn của chúng tôi, thì thật chẳng khác nào như ếch ngồi đáy giếng. Vì thế, nên trong mục Phật Học Vấn Đáp này, đa phần là chúng tôi chỉ y cứ vào các Kinh Luật Luận của chư Phật Tổ chỉ dạy, cũng như lược lặt những điều giảng giải của các bậc Tôn Đức hay của các hàng học giả trí thức để hầu giải đáp những thắc mắc của quý độc giả phật tử. Trong khuôn khổ trang báo có hạn, tất nhiên, chúng tôi không thể nào giải đáp một cách trọn vẹn đầy đủ hết ý nghĩa được. Kính mong chư Tôn liệt vị thứ lỗi và chỉ giáo bổ túc cho những điều sai sót. Ban Hoàng Pháp Xin chân thành ghi nhận và hết lòng tri ân, đa tạ.

Ban Hoàng Pháp

## Hỏi : Ý nghĩa Tứ đại và Thất đại khác nhau như thế nào ?

**Đáp :** Tứ đại và Thất đại đương nhiên là có sự khác biệt. Tứ đại là nói theo Kinh điển của hệ Phật Giáo Nguyên Thủy (Tiểu Thừa), ý nghĩa của nó hạn hẹp. Còn Thất đại là nói theo hệ Phật Giáo phát triển (Đại Thừa), ý nghĩa của nó rộng hơn. Tứ đại gồm có: Đất, nước, gió, lửa. Bốn yếu tố này kết hợp lại chỉ tạo nên một vật thể mà thôi. Đất là chất cứng, tức ở thể đông đặc. Nước là chất trơn, tức ở thể lỏng. Gió là chất động, tức ở thể hơi (biến dịch). Lửa là chất nóng, tức ở thể ấm. Lẽ ra phải thêm vào một Đại nữa đó là Không Đại. Vì bất cứ vật thể nào, nó cũng cần có những lỗ trống để thở mới sinh tồn được. Như thân người cần phải có những lỗ trống, thì máu huyết mới lưu thông và hơi thở (phong đại) mới vận hành điều hòa. Nhờ thế, con người mới sống

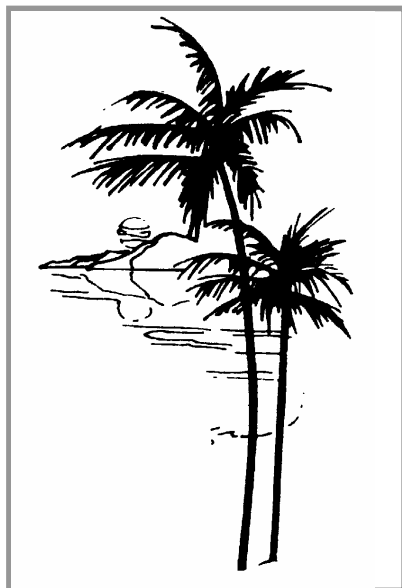
được. Điều này, khoa học đã chứng minh cho chúng ta thấy rất rõ qua kiến kiến vi. Nói Thất đại ngoài 4 yếu tố : Đất, nước, gió, lửa ra, người ta còn thêm vào 3 đại nữa, đó là Không đại, kiến đại và Thức đại. Riêng về Kiến đại và Thức đại, nghĩa của nó cũng có rộng hẹp khác nhau. Kiến đại cũng là sự hiểu biết, nhưng ở một trình độ thấp hơn thức đại. Như các loài thú vật, thuộc loại động vật hạ đẳng, trình độ hiểu biết nhận thức của chúng so với loài người thì kém hơn nhiều. Do đó, chúng chỉ có Kiến đại chứ không có Thức đại, chỉ có loài người mới có đầy đủ cả 7 đại mà thôi.

**Hỏi :** Vào những ngày Đại Lễ của Phật giáo như Phật Đản, Vu lan, tôi thường thấy một vài Phật tử mua chim hay bồ câu để phóng sanh. Nhưng họ mua không thả liền, mà họ đem vô chùa để nhốt chờ quý thầy làm lễ rồi mới thả. Có khi thầy bận việc, không làm lễ

*liên phải nhốt chúng trong lồng có khi qua cả đêm đến sáng hôm sau, đợi đến lúc thầy rảnh mới làm lễ thả, hoặc có khi phải chờ đến giờ hành lễ chánh thức (trường hợp như lễ Phật Đản) mới phóng sanh. Xin hỏi, phóng sanh như thế có đúng với ý nghĩa phóng sanh hay không ? Và người mua vật để phóng sanh như thế có phước đức nhiều không ?*

**Đáp :** Điều này, nếu xét kỹ, ta thấy không đúng với ý nghĩa phóng sanh cho lắm. Thật ra, đúng nghĩa phóng sanh là sau khi mua con vật phải thả ngay. Động cơ phóng sanh là gì? Phải chăng tất cả đều do lòng từ bi mà ra. Vì lòng từ bi, nên thương xót con vật nào đó đang bị đau khổ kêu la cầu cứu. Chúng ta vì thương chúng không nỡ nhìn thấy chúng phải chết một cách đau thương, nên người Phật tử động lòng từ bi bỏ tiền ra để mua chúng. Nhưng sau khi mua xong, thì tức tốc phải thả chúng ra ngay, để chúng được tự do. Người xưa nói :”

Nhứt nhứt tại tù, thiên thu tại ngoại.” Nghĩa là : một ngày bị nhốt trong lao tù, bằng một ngàn năm sống được tự do ở bên ngoài. Như thế, thì mới đúng với ý nghĩa phóng sanh. Và như thế, mới thật sự có phước và mới thật sự là thể hiện đúng với lòng từ bi Phật dạy. Ngược lại, đàng này không thế. Mua rồi phải đem vô chùa chờ thầy làm lễ mới phóng thích. Gặp lúc thầy bận việc, không quan tâm tới, thế là những con vật bất hạnh kia phải kêu la, chen lấn đạp nhau trong lồng, thật là đau khổ. Nếu chúng nói được, thì chúng sẽ cất cao giọng mà nói to lên rằng :”Xin mọi người hãy thương xót chúng tôi mà làm ơn thả chúng tôi ra ngay, chờ đợi tới giờ mới làm lễ rồi khi làm lễ, thầy lại kéo dài giọng tụng ê a nữa, như thế chắc là chúng tôi phải chết mất đi thôi ! Thà rằng hãy để cho người bắt chúng tôi mà họ làm thịt xơi chúng tôi đi, thì chúng tôi khỏi phải kéo dài sự đau khổ lê thê như thế này ! Chớ các người ra ơn tế độ chúng tôi cái kiểu này, thì thật là tội nghiệp cho chúng tôi quá !” Lời kêu than đó thật là hữu lý. Sự thật là như thế. Có khi chờ thầy làm lễ xong, có con thì chết, có con thì què quặt bay đi không nổi... Như vậy thì lại



càng thêm tội chớ nào có phước đâu! Thử hỏi, chúng ta làm lễ để ai chứng minh ? Phật hay Bồ Tát ? Hay chư Tôn Đức Tăng Ni ? Chắc chắn Phật và Bồ Tát không thể chứng minh kéo dài sự đau khổ của chúng sanh như thế này rồi ! Chư Tôn Đức Tăng Ni ư ? những vị này đầy lòng từ bi cũng không thể nào nhẫn tâm nhìn thấy cảnh tượng đau thương kêu la thảm thiết chúng bị nhốt lâu như thế! Tóm lại, cũng một việc làm, mới nhìn thì thấy như là có phước lắm, nhưng nếu không khéo, thì trở thành mang tội. Thế thì phóng sanh như thế, chẳng những không đúng ý nghĩa của việc phóng sanh mà nó còn không được phước như ý mình muốn. Vì vậy, mong rằng người Phật tử khi có hảo tâm muốn mãi vật phóng sanh, thì nên lưu tâm hơn về việc làm này.

**Hỏi : Phật Pháp thì có một, nhưng tại sao lại có ra ba thừa ?**

**Đáp :** Lý do có ra ba thừa sai khác là y cứ vào trình độ hiểu biết rộng hẹp, sâu cạn, cao thấp bất đồng của mỗi chúng sanh. Từ đó, trong Phật Pháp mới có chia ra sự sai biệt này. Tất cả, cũng chỉ vì nhắm thẳng mục đích làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh mà thôi. Trong Khế Kinh có nêu ra một thí dụ. Thí như có 3 con thú : Thỏ, Nai và Voi đồng lội qua một con sông. Con thỏ nhỏ con lại có đôi chân ngắn, nên chỉ bơi lội 2 chân là đã trên mặt nước thôi. Con nai thì to con hơn và đôi chân lại dài hơn, nên 2 chân lội lưng chừng nước. Còn con voi thì thân thể to lớn vạm vỡ và có đôi chân bự lại dài hơn, nên đôi chân của nó lội đạp xuống tới đất. Con thỏ là dụ cho hàng Thanh Văn Thừa (Tiểu Thừa). Thanh Văn vì trí kém, tâm hẹp, nên dụ như con thỏ vừa nhỏ con lại vừa có đôi chân ngắn chỉ bơi lội là đã trên mặt nước. Con nai là dụ cho Duyên

Giác Thừa

(Trung Thừa). Vì trí huệ của hàng Duyên Giác cao rộng hơn Thanh Văn, nên dụ như con nai, vì con nai lớn con và có đôi chân dài hơn con thỏ. Đến con voi là dụ cho Bồ Tát Thừa (Đại Thừa). Vì trí huệ nhận thức ở nơi các pháp của hàng Bồ Tát hơn hẳn hàng Nhị Thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) nên dụ như con voi, vì hình thể của con voi vừa to lớn mập mạp lại có thêm đôi chân bự và dài, nên lội sâu hơn hai con kia. Qua dụ này chúng ta thấy, con sông thì chỉ có một, tức Phật Pháp chỉ có một, mà thú thì có ba. Ba con thú là tiêu biểu, nói lên sự sai biệt của ba Thừa. Chính vì sự sai khác đó, nên trong Phật Giáo mới tạm chia ra có ba thừa. Kỳ thật chỉ có một Thừa, tức Phật Thừa mà thôi, như trong Kinh Pháp Hoa đã nói rõ.

**Hỏi : Có người nói, những người tu Tịnh Độ niệm Phật cầu vãng sanh về Cực Lạc, thì những người đó thật là ích kỷ, chỉ nghĩ riêng cho mình được lợi lạc, mặc cho những người thân hay bạn bè nói rộng ra là tất cả mọi người ở cõi Ta Bà này ai khổ mặc ai, miễn sao phân mình được sung sướng thôi. Xin hỏi, người nói như thế có hợp lý hay không ?**

**Đáp :** Nếu bảo rằng có hợp lý hay không, theo tôi, thì chỉ hợp lý ở một giai đoạn nào đó thôi, chớ không thể nói là hợp lý hoàn toàn. Nếu khẳng quyết cho rằng những người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc là hoàn toàn ích kỷ chỉ nghĩ cho riêng mình. Lời trách này, có hơi quá đáng! Vì sao ? Bởi vì bản nguyện của người niệm Phật cầu sanh Tây phương, họ không phải nguyện về Cực Lạc để rồi thọ hưởng những thú vui bên đó luôn, mà tâm nguyện của họ, chỉ về bên đó tiếp tục tu học một thời gian, cho đến khi nào hoàn toàn giác ngộ

thành Phật, chừng đó, họ sẽ trở lại cõi Ta Bà này để hóa độ chúng sanh. Như vậy, rõ ràng họ không phải là những kẻ bạc tình bạc nghĩa. Chẳng qua cũng chỉ vì lòng thương mọi người, mà họ không muốn cùng nhau chết chìm, khi mình chưa biết lợi, mà dám xông pha nhảy xuống nước cứu vớt người. Họ không muốn mạo hiểm phiêu lưu như thế. Vì vậy, để được an toàn bảo đảm trong việc cứu vớt người, chính họ phải tìm cách bảo đảm cho mình có một nội lực thật vững chắc, chừng đó, họ sẽ trở lại cứu độ mọi loài. Như thế, quả họ là những người biết lo xa, và biết dự phòng vững chắc. Việc họ làm, không phải tùy hứng hay ngẫu nhiên, mà họ chỉ làm đúng theo những gì mà Đức Phật Thích Ca chỉ dạy, giới thiệu. Thế thì, trong thời gian họ vắng mặt ở cõi này, người ta coi họ như là người ích kỷ. Nhưng kỳ thực không hẳn là như thế. Thí như, những vị xuất gia, khi vào chùa, họ xa lìa cha mẹ, bà con họ hàng, những người thân thuộc, bạn bè thân thiết. Thời gian ở chùa, các ngài quyết chí tu học. Chẳng lẽ trong thời gian ở trong chùa tu học, thì những vị này lại là những kẻ ích kỷ, bạc tình bạc nghĩa hết hay sao? Mới nhìn qua như là có ích kỷ, nhưng xét sâu hơn, chưa hẳn là như thế. Vì sau khi Ngô Đạo, các ngài vân du hóa đạo làm lợi ích cho mọi người khắp nơi. Như vậy, khi các ngài không còn

có mặt ở ngoài đời, giam mình tu học ở trong chùa, hay một nơi nào khác, thì người ta cho rằng các ngài là yếm thế hay ích kỷ? Nhưng đây lại là thời gian mà các ngài chuẩn bị hành trang tư lương cho mình khả dĩ thật chu đáo chín mùi, để sau này các ngài ra hoằng pháp lợi sanh. Thế thì, ta lại vội trách các ngài ích kỷ được sao? Nếu vội trách như thế, xét ra, thật hơi quá đáng! Nếu không muốn nói là quá hàm hồ nông cạn.

Lại thêm một thí dụ nữa. Thí như: Có một sinh viên ở nước Việt Nam ta, anh ta nghe sự giới thiệu của một giáo sư đại học rất tài giỏi, ông ấy nói rằng, ở bên Mỹ có một trường đại học chuyên đào tạo những người có khả năng chuyên ngành kỹ thuật điện tử, đây là ngành mà anh thấy rất thích hợp cho khả năng anh. Sau khi nghe vị giáo sư đó giới thiệu, anh ta quyết tâm bằng mọi cách phải qua được bên Mỹ để học. Tâm nguyện của anh là sau khi anh học xong chương trình của trường đại học đó giảng dạy, bấy giờ anh sẽ trở về lại Việt Nam để dẫn thân phục vụ làm việc, hầu giúp ích cho đồng bào anh. Như vậy, việc anh sinh viên qua Mỹ du học, và cầu mang một tâm nguyện như thế, thử hỏi anh chàng sinh viên đó có ích kỷ hay không? Chẳng lẽ trong thời gian anh vắng mặt ở quê nhà để đi qua nước người du học, thì ta lại lên án kết

tội anh sinh viên đó là người ích kỷ chỉ nghĩ cho riêng mình được sao? Bạn sẽ nghĩ thế nào về người kết tội anh sinh viên đó như thế? Cũng vậy, sở dĩ hôm nay, người ta biết được Pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc là do từ kim khẩu của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu. Cũng như anh sinh viên kia, sở dĩ anh biết được trường đại học bên Mỹ, là nhờ sự giới thiệu của vị giáo sư đó. Và khi nghe xong, anh sinh viên kia không phải tự nhiên mà qua được bên Mỹ để học, tất phải hội đủ những điều kiện theo sự đòi hỏi của trường đại học ở Mỹ. Vì ở đây có rất nhiều thuận duyên tiện lợi cho sự trau dồi học hỏi của anh. Cũng thế, người muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà cũng phải hội đủ 3 điều kiện: Tín, Nguyện và Hạnh. Và đồng thời ở cõi đó có nhiều thắng duyên thuận lợi hơn. Sau khi hội đủ điều kiện rồi, anh sinh viên kia, khi sang Mỹ du học, anh ta chỉ có một tâm nguyện duy nhất là sau khi tốt nghiệp mãn khóa, có mảnh bằng tiến sĩ trong tay, anh ta sẽ trở lại quê nhà để thi thố tài năng làm lợi ích cho quê hương xứ sở mình. Cũng thế, người niệm Phật sau khi về Cực Lạc có đủ mọi thắng duyên tu học, nỗ lực tu học cho đến khi nào hoàn toàn giác ngộ, bấy giờ họ sẽ trở lại cõi này để hoằng hóa lợi sanh. Một tâm nguyện như thế, thì tại sao cho họ là ích kỷ? Có người lại nói, họ chưa hề thấy ai từ cõi Cực Lạc trở về? Đã là do nguyện lực độ sanh của Bồ Tát, thì làm sao chúng ta biết rõ họ từ đâu đến. Và sách sử cũng đã chứng minh cho chúng ta thấy, khi nào có ai phát hiện ra các Ngài là bồ tát, thì các Ngài sẽ ẩn diệt ngay. Trường hợp như các Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc hay như Hòa Thượng Thiện Đạo, sử nói, ngài là hóa thân của đức Phật A Di Đà. Tóm lại, theo tôi, thì những người niệm Phật phát



nguyện vãng sanh về Cực Lạc để tiếp tục tu hành (tất nhiên là có sự đảm bảo hơn cõi này về mọi mặt, theo như lời Phật Thích Ca giới thiệu) sau đó, họ sẽ trở lại cõi này để hoằng hóa độ sanh đúng theo bản nguyện của họ. Như thế, xét bề ngoài thì dường như có ích kỷ, nhưng xét về bên trong, tức tâm nguyện, thì không có gì là ích kỷ cả. Vì bản nguyện đó, cũng chỉ nhắm vào chúng sanh mà nguyện, tất nhiên là thuận theo bản hoài của chư Phật, trừ phi, những ai chỉ nguyện cho mình về Cực Lạc không thôi mà không phát đại nguyện hoàn lai Ta Bà để độ sanh, người như thế, thì đáng trách là quá ích kỷ chỉ nghĩ đến sự lợi lạc cho riêng mình, không đoái hoài thương cảm ai cả. Như thế, thì quả là trái lòng từ bi Phật dạy. Người như thế, mới nên đáng trách. Ngược lại, thì ta không nên vội trách.

**Hỏi :** Ý nghĩa của Vu Lan Bồn là gì ? và tại sao ngày rằm tháng 7 còn gọi là ngày Lễ Tự tứ ? Vậy Tự tứ nghĩa là gì ?

**Đáp :** Vu Lan Bồn, phiên âm từ chữ Phạn là Ullambana ( Hành sự ). Còn gọi là Ô Lam Bà Noa. Dịch là Đảo huyền, chỉ nỗi đau khổ cùng cực. Trong quyển Huyền Ứng Âm Nghĩa 13 có giải thích như sau :” Vu Lan Bồn, là nói sai. Nói đúng là Ô lam bà noa, dịch là Đảo huyền. Theo phép nước Tây Trúc vào ngày Tự Tứ của chư tăng, người ta mua sắm thực phẩm, đặt cỗ bàn linh đình, dâng cúng Phật Tăng để cứu cái khổ treo ngược (đảo huyền) của người đã mất. Xưa nói là một cái chậu đựng thức ăn, đó là nói sai”. Vu Lan Bồn Kinh Sớ Tông Mật nói :” Vu Lan là từ ngữ của Tây Vực, nghĩa là Đảo huyền, bồn là âm của Đông Hạ vẫn là đồ dùng cứu chữa. Nếu theo cách nói của địa phương thì phải nói là Cứu đảo huyền bồn.” Trong quyển Vu Lan

Bồn Tâm Ký quyển thượng của Nguyên Chiêu bác lại :” Theo Ứng Pháp Sư Kinh Âm Nghĩa thì : Tiếng Phạn Ô lam bà noa dịch là đảo huyền, nay xét Ô Lam tức là Vu Lan, Bà noa là cái chậu. Thế là 3 chữ đều là tiếng Phạn. Nhưng âm thì có sự xô xích sai lầm.” Đó là ý nghĩa của 3 chữ Vu Lan Bồn.

Còn Tự tứ là gì ? Tự tứ là một thuật ngữ của Phật giáo. Tiếng Phạn là Pravaranà (Bát Thích Bà ) cách dịch cũ là Tự tứ, cách dịch mới là Tùy ý. Buổi lễ này được diễn ra vào ngày cuối cùng của 3 tháng an cư kiết hạ, theo luật tiền an cư là ngày 16 tháng 7, hậu an cư là ngày 16 tháng 8, ngày đó mọi người tự nêu ra các tội lỗi mà mình đã phạm phải trước mặt các vị tỷ kheo khác, và tự sám hối, nên gọi là Tự tứ. Còn gọi là Tùy ý, vì là tùy theo ý của người khác mà nêu ra các lỗi mình phạm phải, nên gọi là Tùy ý. (Từ Điển Phật Học Hán Việt trang 1447). Đó là chúng tôi trích dẫn nguyên văn trong quyển Từ Điển Phật Học Hán Việt để giải thích ý nghĩa của 2 chữ Tự tứ. Ở đây, chúng tôi cũng xin được nói rõ thêm về ý nghĩa của buổi lễ quan trọng này. Đây là một buổi lễ mà chư Tăng Ni sau 3 tháng an cư kiết hạ, ai có lỗi lầm gì phải tự phát lồ sám hối trước đại chúng. Hoặc đại chúng thấy, nghe, hay nghi vị nào đó có phạm tội lỗi, thì có thể chỉ bảo cho vị đó sám hối. Quả đây là một tinh thần tự giác cao độ của đạo Phật. Thông thường, ai cũng che đậy những lỗi lầm của mình, ít ai dám phơi bày cái lỗi lầm của mình cho người khác biết. Bởi thế có câu :” Xấu che, tốt khoe.” Ngược lại, dâng này chư Tăng Ni không vì tự ái bản ngã cá nhân, mà tự thổ lộ những điều sai quấy của mình trước mặt mọi người. Bởi do sự thành thật chỉ lỗi cho nhau trong tinh thần hòa ái, tương kính, nên chư Phật trong mười phương thấy



đều hoan hỷ. Do đó, nên ngày này còn gọi là ngày Phật hoan hỷ là như thế.

**Hỏi :** Việc chư tăng chú nguyện cho bà Mục Liên Thanh Đề thoát khỏi kiếp nạn ngục. Xin hỏi : Việc cầu nguyện đó ảnh hưởng thế nào đối với người có tội lỗi ? Và việc làm này có rơi vào mê tín hay không ?

**Đáp :** Qua câu hỏi trên, để tiện trả lời, chúng tôi xin được tách ra làm 2 câu hỏi :

1/ Việc cầu nguyện đó ảnh hưởng thế nào đối với người có tội lỗi ? Xin thưa : Rất có ảnh hưởng. Tuy nhiên, việc ảnh hưởng đó, nó còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Nếu những yếu tố tốt, thì ảnh hưởng kết quả tốt. Ngược lại, thì không như thế. Những yếu tố tốt như thế nào ? Như trường hợp bà Mục Liên Thanh Đề, sở dĩ bà được thoát khỏi cảnh khổ ngục, là vì bà có nhiều yếu tố thắng duyên tốt. Thứ nhất, là ngài Mục Kiền Liên con của bà rất là chí hiếu. Ngài đã hết lòng tha thiết trong việc thiết lễ trai tăng cúng dường đúng theo lời Phật dạy. Thứ hai, chư Tăng, những người chú nguyện cho bà đều là những vị tu hành thanh tịnh suốt thời gian 3 tháng an cư kiết

hạ. Nhờ tâm các Ngài thanh tịnh , nên sức chú nguyện của các Ngài có một ảnh hưởng rất mạnh đến mục tiêu mà các Ngài nhắm tới. Mục tiêu đó là bà Mục Liên Thanh Đề. Điều này, nếu nói theo triết học, thì gọi là: “Thần giao cách cảm“. Tuy vô hình, nhưng nó có một sức mạnh rất mãnh liệt. Người xưa nói : “Thành tâm sở chí, kim thạch vị khai”. Nghĩa là: Sức thành khẩn tha thiết hướng đến đâu , có thể chẻ núi phá vàng đến đó. Xin nêu ra đây một câu chuyện để chứng minh . Trong quyển Niệm Phật Thập Yếu trang 104, cổ Hòa Thượng Thích Thiền Tâm có thuật câu chuyện như sau : “Có một vị bên Pháp tuổi trẻ, góa vợ, buồn lòng đến miền quê du ngoạn để giải khuây. Nhân khi ngụ ở nhà người thợ rèn, thấy cô gái con gia chủ có sắc đẹp, mới tỏ thật chuyện mình, xin cưới cô này làm vợ, và được chấp thuận. Nhưng lúc chưa làm lễ cưới, bác sĩ đã ăn nằm với cô gái, rồi bỏ về đô thị. Người thợ rèn thấy con gái mình bụng ngày một lớn, còn chàng sở khanh kia thì tuyệt tích như cánh chim hồng, nghĩ mình nhà nghèo thế yếu không thể kiện thưa, tức giận quá mỗi buổi chiều cầm búa đập vào tấm sắt kêu gọi tên vị bác sĩ đòi đánh bể đầu, để tiết bớt niềm phẫn hận. Nhưng ở đô thành



cứ vào 5 giờ chiều, vị bác sĩ nọ bỗng ôm đầu rên la, chữa trị đủ cách vẫn không khỏi. Sau người bạn của bác sĩ trong lúc về thăm quê, vào buổi chiều đi ngang nhà thợ rèn nghe tiếng đập sắt và kêu gọi tên bạn mình trách mắng, mới vào gạn hỏi. Khi hiểu rõ sự việc, suy gẫm ra biết nguyên nhân căn bệnh của bạn mình. Ông về khuyên vị bác sĩ phải đến xin lỗi và cưới cô gái con người thợ rèn. Sau khi hôn lễ thành, bệnh vị bác sĩ mới khỏi.” Qua đó, chúng ta thấy, tâm lực có một sức mạnh vô hình như thế. Thứ ba, là bà Mục Liên Thanh Đề. Bà ta mới thực sự là yếu tố chính và quan trọng hơn hết. Sự gia trì của Phật cũng như sức chú nguyện của chư tăng, tất cả đều là những tác động trợ duyên tốt. Và nhờ sức trợ duyên mạnh mẽ đó, mà đánh động được tâm thức của bà ta. Bà ta đã ăn năn hối cải, và tha thiết sám hối. Nhờ sự thành tâm cải hối đó, mà bà được siêu thoát sanh lên cõi trời Thiên Hoa Quang. Kinh nói : “Tội từng tâm khởi, từng tâm sám. Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong. Tội vong, tâm diệt lưỡng câu không, thị tắc danh vi chơn sám hối.” Nghĩa là : Tội lỗi từ tâm (vọng) khởi, cũng từ tâm mà sám. Khi tâm lặng rồi, thì tội cũng tiêu. Tội tiêu, tâm lặng cả hai đều không còn nữa, đó mới thật là chơn thật sám hối.

2/ Việc làm này có rơi vào mê tín không ? Xin thưa : Việc làm này, chẳng những không phải là mê tín mà lại còn rất phù hợp với tinh thần giác ngộ của Đạo Phật. Tức là tinh thần tự giác. Lý do tại sao ? Trước hết, xin dẫn ra đây một vài mẫu chuyện ngắn , do Hòa Thượng Thích Thanh Từ thuật kể trong quyển Bước Đầu Học Phật, để chứng minh. Hòa Thượng nói : Mặc dù đây là những mẫu chuyện

có tánh cách ngụ ngôn, nhưng để chúng ta thấy cái tinh thần tự giác của Đạo Phật. Đức Phật có kể lại tiền thân của Ngài :” Thuở nọ Ngài là đứa con bất hiếu. Khi Ngài chết rồi vào địa ngục. Ngay trong ngục tối, Ngài thấy ở đằng xa một đóm lửa sáng rực đi đến dần dần tới Ngài. Tới gần Ngài nhìn rõ ra là người đang bị một vòng lửa cháy rực trên đầu. Người đó rên la thảm thiết. Khi tới gần, Ngài hỏi : Anh ơi, anh làm tội gì mà chịu khổ lắm vậy ? Chàng đó nói : Không giấu gì ông, thuở xưa tôi ở nhân gian, vì bất hiếu với cha mẹ, nên giờ đây tôi mới khổ như thế này.

Ngài hỏi: Tới bao giờ anh mới hết tội đó ?

Chàng kia đáp : Chừng nào ở nhân gian có người nào bất hiếu như tôi, đến thế cho tôi, thì tôi mới hết.

Vừa nói xong thì vòng lửa bên đầu anh kia chup qua đầu của Ngài. Ngài bị đốt cháy đỏ rực, đau khổ quá Ngài rên la thảm thiết. Khi tỉnh lại Ngài hỏi : “ Đầu tôi bị vòng lửa đốt cháy như thế này, thưa anh chừng nào mới hết, mới khỏi cái khổ này?” Anh kia nói : “Chừng nào có người ở trên nhân gian bất hiếu như ông, xuống thế cho ông thì ông mới hết.”

Khi đó Ngài liền nhớ cái khổ bị đốt như thế này đau đớn vô ngần, nếu có người chịu khổ như mình thì tội nghiệp họ quá, chi bằng để một mình mình chịu khổ thôi. Cho nên lúc đó Ngài liền phát nguyện: “Nguyện tất cả người trên thế gian, từ đây về sau đừng có ai bất hiếu như tôi, để một mình tôi chịu cái khổ này suốt đời suốt kiếp”. Ngài vừa nguyện xong, bất thần vòng lửa bay đầu mất. Ngài thấy Ngài sanh lại ở chỗ khác tốt đẹp, không còn vòng lửa nữa.

Qua câu chuyện đó tuy có tánh cách ngụ ngôn nhưng cho chúng ta

thấy rõ một khi phát tâm từ bi rộng lớn, phát tâm đạo đức, thì bao nhiêu cái khổ cái xấu tan đi.

Thêm một câu chuyện nữa. Phật kể lại :” Một thuở nọ Ngài là một thợ săn hung ác tàn bạo. Sau khi chết đọa vào địa ngục. Khi đó quỷ sứ bắt Ngài kéo một chiếc xe công kênh, phía sau có người cầm roi đánh. Ngài kéo nặng nề quá. Kéo qua chỗ tra tấn người Ngài thấy những người khác bị đánh đập hành hạ đau khổ rên siết quá đỗi. Ngài động lòng thương nguyện rằng :” Tôi xin thế tất cả cái đau khổ của những người ở trong đây ! Tất cả cái khổ của những người đang chịu, xin để cho mình tôi chịu “. Ngài vừa phát nguyện như vậy thì tự thấy Ngài không còn ở địa ngục nữa.

Thuật qua hai câu chuyện trên, Hòa Thượng kết luận :” Qua 2 câu chuyện trên đó, chúng ta thấy bà Thanh Đề, sở dĩ ra khỏi vòng nạ quỷ không phải chư Tăng có tài xuống đó dẫn bà lên. Không phải có một ông Diêm Vương hay ông chúa ngục nào mở thả bà, ân xá cho bà. Cũng không phải ông Phật trên đài sen xuống cứu bà, mà chính vì tinh thần sáng suốt và ý chí mạnh mẽ cầu tiến của chư Tăng đồng chung một tâm niệm hướng về bà, mong bà cải đổi tâm niệm xấu xa. Do sự giao cảm đó mà bà tỉnh giác, chính bà tỉnh giác biết được tội lỗi của bà, nên bà hối hận chừa bỏ. Do đó, bà thoát khỏi cái khổ nạ quỷ. Thoát khỏi là do tâm hối cải tỉnh giác chứ không phải do sức bên ngoài bắt mình hay thả mình. Đó là sự thật do tinh thần tỉnh giác của con người mà ra. Chỗ đó đối với quý vị hơi lạ, nhưng sự thật là thế”.

Cũng theo tinh thần tự giác đó, chúng tôi xin được nêu ra một thí dụ cụ thể và thực tế hơn. Thí dụ : Ông A bị ghiền á phiện rất nặng, (dụ như bà Thanh Đề vì tạo nghiệp ác phải

đọa vào nạ quỷ) con ông là anh B rất hiền từ chí hiếu và kính trọng thương ông (dụ như Ngài Mục Kiền Liên). Vì quá thương xót tình cảnh ghiền ngập của người cha, nên anh A tìm đủ mọi phương cách để khuyên cha. Một hôm, anh ta trông thấy người cha lên cơn ghiền dữ dội, tứ chi rã rời, thân thể gần như hết cửa quay, trong khi đó, thuốc lại không có, anh ta chạy tìm được chút ít đem về cho cha. Người cha hút vào, sau đó tỉnh lại. Chứng kiến cảnh đau thương đó (dụ như Ngài Mục Kiền Liên dùng tuệ nhãn xem thấy người mẹ đang bị cơn đói khát hoành hành đau khổ ngút ngàn) anh ta quyết định tìm cách cứu cha thoát khỏi bệnh ghiền. Bấy giờ, anh ta nghĩ đến vị Thầy của anh ta, là một bậc tu hành giới luật nghiêm minh, đạo cao đức trọng (dụ như Đức Phật). Anh ta đến quỳ bạch xin thầy chỉ dạy cách nào để cứu thoát người cha ra khỏi bệnh ghiền. (dụ như Ngài Mục Liên bạch Phật để Phật chỉ dạy cách cứu mẹ Ngài). Vị thầy đó bảo anh ta, nếu con muốn cứu thoát cha con bỏ hút á phiện, thì con nên vì cha mà hết lòng mua sắm những thứ mà cha con thường ưa thích nhất, đồng thời con nên cung thỉnh quý thầy khác mà hằng ngày cha con kính trọng, cũng như một số bạn bè thân thuộc nhứt của cha con, rồi chọn ngày mời mọi người đồng đến hiệp lực cùng con để cùng nhau khuyên cha con cai ghiền (dụ như Ngài Mục Liên sắm sanh lễ vật và cung thỉnh chư tăng chú nguyện). Anh A thực hiện đúng theo những gì thầy dạy. Hôm đó là một ngày rất đẹp, khí trời ấm áp, (dụ như ngày rằm tháng 7) anh A thỉnh trọng mời cha đến ngồi vào bàn ghế sang trọng và trước những vật dụng quý giá mà người cha thường mong ước. Sau khi người cha ngồi vào ghế, bấy giờ, anh A và những người thân thuộc trong gia đình đến quỳ trước mặt người cha, đồng khẩn khoản tha thiết lên tiếng khuyên cha nên

vì bản thân, vì con cái và vì bạn bè thân thuộc mà nên cương quyết cai ghiền ma túy cho bằng được. Thêm vào đó, quý thầy có mặt cũng như toàn thể bạn bè cũng đồng lòng hết lời chí thiết khuyên bảo. Trước tình cảnh đó, người cha quá xúc động đến rơi lệ, nghẹn ngào và rồi ông ta đồng loạt tuyên bố trước mặt mọi người rằng : “ Kể từ ngày hôm nay, tôi cương quyết sẽ cai ghiền. Không phải nói suông bằng lời cho mọi người vui, mà tôi nhứt quyết thực hiện bỏ hút cho bằng được. Vì tôi đã sáng mắt nhận ra sự tai hại khốc liệt của thứ ma túy này rồi !” Nói xong, mọi người đều vui lên như ngày mở hội. Nhứt là người con trai chí hiếu của ông vui mừng không kể xiết. Và từ đó trở đi, người ta thấy ông ta đã bỏ hẳn và thân thể của ông được mạnh khoẻ trở lại như xưa. Thế là ông đã tự cõi trời được cái khổ mà từ lâu nay nghiệp ghiền ma túy nó đã treo ngược xiết cổ ông.

Qua thí dụ đó cho chúng ta thấy rằng, sở dĩ người cha bỏ được á phiện, là chính do ông ta cương quyết cải hối chừa bỏ, còn mọi người chỉ là trợ duyên tốt giúp cho ông ta tăng thêm phần ý chí nghị lực mà thôi. Còn chánh nhân chính là ông ta. Chính nhờ lòng chí thành tha thiết thương cha của anh A, tức con trai của ông, là trợ lực chính giúp cho ông ta từ bỏ được. Lời khuyên của mọi người (dụ như sự chú nguyện của chư tăng) đã đánh động được sự tỉnh giác của ông. Như thế, sự cai ghiền của ông có kết quả tốt là do ông tự ý thức và tự tỉnh giác lấy (dụ như bà Thanh Đề được thoát hóa là do chính bà tự cải hối ăn năn tâm địa độc ác của bà). Điều này, tuyệt nhiên không do ai cầu nguyện mà được cả. Như vậy, rõ ràng nào có phải là mê tín đâu !

## Ban Hoàng Pháp